TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành và bà Lê Thị Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST - DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã MS, tỉnh TH.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1990. (vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Thôn NT, xã MS, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện NL (Nay là xã MS), tỉnh TH. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất cách làm ăn và cư sử trong gia đình. Hai bên gia đình đã hoà giải dàn xếp, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ đầu năm 2023 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đính hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn V có 01 chung là Phạm Thị TL, sinh ngày 04/01/2015, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Phạm Thị TL cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Văn V, để anh V làm bản tự khai, trình bày ý kiến, tham gia hòa giải và giải quyết về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh V không có mặt, nên không có lời khai của anh V và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), anh V không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị H và anh V theo quy định pháp luật. Việc tống đạt văn bản tố tụng của Toà án phù hợp với quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Văn V. Giao cháu Phạm Thị Trúc Loan, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 cho chị Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Phạm Văn V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh V thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - TH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh V, nhưng anh V không có mặt, Tòa án đã thông báo kết quả cho anh V theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh V không tham gia hoà giải thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Chị H xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227; 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách cư sử trong gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kể từ năm 2023 đến nay. Anh V biết chị H làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh V lên làm việc để anh V được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình về nội dung khởi kiện của chị H, nhưng anh V đều không có mặt, điều đó thể hiện anh V không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn V có 01 con chung là Phạm Thị TL, sinh ngày 04/01/2015, tại biên bản lấy lời khai của cháu TL trình bày cháu học lớp 3 và cháu đạt học sinh xuất sắc, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh V không trình bày nguyên vọng giao nuôi con và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa, nên không có căn cứ giao con cho anh V, nên chấp nhận yêu cầu giao nuôi con của chị H là phù hợp. Việc chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Văn V.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị TL, sinh ngày 04/01/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Phạm Văn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0007606 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh TH. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn V. Chị H và anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV 10 – TH;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- Thi hành án dân sự tỉnh TH;
- UBND xã MS, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh